

MỘT SỐ BẤT CẬP GIỮA PHÁP LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ VÀ PHÁP LUẬT CẠNH TRANH VỀ VẤN ĐỀ XỬ LÝ HÀNH VI CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH TRONG LĨNH VỰC SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM

Trần Chí Thành*

Tóm tắt: Bài viết trình bày khái niệm và đặc thù của hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, phân tích thực trạng mâu thuẫn, chồng chéo giữa quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ và pháp luật cạnh tranh về vấn đề xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp ở Việt Nam, trên cơ sở đó đưa ra một số giải pháp cụ thể.

Abstract: This article presents definition and characteristics of unfair competition practices relating to industrial property, and analyzes a number of conflicts and overlaps between the provisions of intellectual property law and competition law related to the handling of unfair competition practices in the domain of industrial property in Vietnam. Based on that, the article makes certain proposals for improvement.

1. Khái quát chung về hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp

Về bản chất, cạnh tranh không lành mạnh (CTKLM) là những biện pháp cạnh tranh không hợp pháp hoặc không phù hợp với đạo lý, truyền thống của một dân tộc. Trong phạm vi bài viết này, tác giả chỉ tập trung phân tích một số khía cạnh liên quan đến hành vi CTKLM có liên quan đến lĩnh vực sở hữu công nghiệp (SHCN).

Theo khoản 2 Điều 10bis của Công ước Paris về Bảo hộ sở hữu công nghiệp thì: "Bất cứ hành động nào trái với tập quán trung thực trong công nghiệp và thương mại đều bị coi là hành động cạnh tranh không lành mạnh". Điều 10bis cũng giải thích rõ hành vi CTKLM gồm 3 loại hành vi chính: (i) Thực hiện các hành vi có bản chất gây nhầm lẫn về cơ sở kinh doanh, hàng hoá, hoạt động kinh doanh, công nghiệp của mọi

đối thủ cạnh tranh, (ii) Đưa ra những cáo buộc sai sự thật nhằm hạ thấp uy tín về cơ sở kinh doanh, về hàng hoá hoặc về hoạt động thương mại, công nghiệp của một đối thủ cạnh tranh; (iii) Sử dụng những chi dẫn gây nhầm lẫn cho công chúng về bản chất, quá trình sản xuất, đặc điểm, tính năng, công dụng của hàng hoá.

Trên cơ sở quy định của Công ước Paris, pháp luật sở hữu trí tuệ (SHTT) Việt Nam đã ghi nhận một cách chi tiết hơn đối với hành vi CTKLM. Cụ thể, các hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN theo quy định của Luật SHTT được xác định như sau:

Thứ nhất, hành vi sử dụng chi dẫn thương mại gây nhầm lẫn. Theo đó, tổ chức, cá nhân bị xác định là thực hiện hành vi CTKLM khi sử dụng chi dẫn thương mại thuộc những trường hợp sau: (i) Gây nhầm lẫn về chủ thể kinh doanh, hoạt động kinh doanh, nguồn gốc hàng hoá, dịch vụ; (ii) Gây nhầm lẫn về xuất xứ, cách sản xuất, tính năng, chất lượng, số lượng hoặc

* Đại học Luật – Đại học Huế.

đặc điểm khác của hàng hoá, dịch vụ; về điều kiện cung cấp hàng hoá, dịch vụ.

Chỉ dẫn thương mại nêu trên là các dấu hiệu, thông tin nhằm hướng dẫn thương mại hàng hoá, dịch vụ, bao gồm nhãn hiệu, tên thương mại, biểu tượng kinh doanh, khẩu hiệu kinh doanh, chỉ dẫn địa lý, kiểu dáng bao bì của hàng hoá, nhãn hàng hoá.

Hành vi sử dụng chỉ dẫn thương mại theo quy định của pháp luật SHTT bao gồm các hành vi gắn chỉ dẫn thương mại đó lên hàng hoá, bao bì hàng hoá, phương tiện dịch vụ, giấy tờ giao dịch kinh doanh, phương tiện quảng cáo; bán, quảng cáo để bán, tàng trữ để bán, nhập khẩu hàng hoá có gắn chỉ dẫn thương mại đó.

Thứ hai, hành vi sử dụng nhãn hiệu được bảo hộ tại một nước là thành viên của điều ước quốc tế có quy định cấm người đại diện hoặc đại lý của chủ sở hữu nhãn hiệu sử dụng nhãn hiệu đó mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng là thành viên, nếu người sử dụng là người đại diện hoặc đại lý của chủ sở hữu nhãn hiệu và việc sử dụng đó không được sự đồng ý của chủ sở hữu nhãn hiệu và không có lý do chính đáng.

Thứ ba, hành vi đăng ký, chiếm giữ quyền sử dụng hoặc sử dụng tên miền trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu, tên thương mại được bảo hộ của người khác hoặc chỉ dẫn địa lý mà mình không có quyền sử dụng nhằm mục đích chiếm giữ tên miền, lợi dụng hoặc làm thiệt hại đến uy tín, danh tiếng của nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý tương ứng.

Ngoài ra, theo quy định của Luật Cảnh tranh năm 2004 thì hành vi xâm phạm đối với bí mật kinh doanh cũng bị xem là CTKLM. Cụ thể, pháp luật cạnh tranh cấm doanh nghiệp thực hiện các hành vi sau: (i)

Tiếp cận, thu thập thông tin thuộc bí mật kinh doanh bằng cách chống lại các biện pháp bảo mật của người sở hữu hợp pháp bí mật kinh doanh đó; (ii) Tiết lộ, sử dụng thông tin thuộc bí mật kinh doanh mà không được phép của chủ sở hữu bí mật kinh doanh; (iii) Vi phạm hợp đồng bảo mật hoặc lừa gạt, lợi dụng lòng tin của người có nghĩa vụ bảo mật nhằm tiếp cận, thu thập và làm lộ thông tin thuộc bí mật kinh doanh của chủ sở hữu bí mật kinh doanh đó; (iv) Tiếp cận, thu thập thông tin thuộc bí mật kinh doanh của người khác khi người này làm thủ tục theo quy định của pháp luật liên quan đến kinh doanh, làm thủ tục lưu hành sản phẩm hoặc bằng cách chống lại các biện pháp bảo mật của cơ quan nhà nước hoặc sử dụng những thông tin đó nhằm mục đích kinh doanh, xin cấp giấy phép liên quan đến kinh doanh hoặc lưu hành sản phẩm.

Hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN có một số điểm đặc thù so với hành vi CTKLM nói chung, đó là:

Một là, hành vi CTKLM xâm phạm đến là các đối tượng SHCN và các đối tượng có liên quan đến quyền SHCN.

Đối tượng của quyền SHCN chiếm số lượng lớn trong các đối tượng của hành vi CTKLM, bởi đây là quyền tài sản dễ dàng bị xâm phạm.

Hai là, hành vi bị coi là CTKLM khi nhằm chiếm đoạt thành quả sáng tạo, thành quả đầu tư (tồn tại dưới dạng các đối tượng SHCN, chỉ dẫn thương mại) của chủ thể khác.

Để có một sản phẩm trí tuệ mang tính sáng tạo, chủ sở hữu hoặc người sử dụng hợp pháp phải đầu tư thời gian, trí tuệ hoặc kinh phí.

Kể cả các chỉ dẫn thương mại, bên cạnh chi phí thiết kế, tạo ra sản phẩm, chủ sở hữu

hoặc người sử dụng hợp pháp phải đầu tư cho công tác truyền thông, xây dựng hình ảnh, uy tín đối với người tiêu dùng.

Do đó, việc các đối thủ kinh doanh lợi dụng các đối tượng của quyền SHCN và các đối tượng có liên quan đến quyền SHCN để thu lợi bất chính là hành vi chiếm đoạt thành quả đầu tư của chủ sở hữu hoặc người có quyền sử dụng hợp pháp các đối tượng đó.

Ba là, phần lớn những hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN được thực hiện với mục đích gây nhầm lẫn hoặc lừa dối người tiêu dùng.

Mục tiêu của các doanh nghiệp hướng tới trong hoạt động sản xuất kinh doanh là thu hút người tiêu dùng, đạt được lợi nhuận tối đa. Bởi vậy, các hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN được thực hiện chủ yếu nhằm mục đích lôi kéo khách hàng, chiếm lĩnh thị phần lớn trên thị trường. Để đạt được mục đích đó, các chủ thể kinh doanh thực hiện hành vi CTKLM đã sử dụng các thủ đoạn khác nhau để lừa dối khách hàng, khiến người tiêu dùng mua và sử dụng những sản phẩm mà mình không thực sự biết rõ về nguồn gốc, xuất xứ, đặc tính và có thể có chất lượng kém.

Bốn là, hành vi CTKLM gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại đến lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu hoặc người được sử dụng hợp pháp các đối tượng SHCN hoặc của người tiêu dùng.

Hành vi lợi dụng các đối tượng SHCN để CTKLM một mặt gây thiệt hại cho khách hàng khi họ không lựa chọn đúng sản phẩm như mong muốn, mặt khác gây thiệt hại cho chủ sở hữu hoặc người được sử dụng hợp pháp các đối tượng SHCN khi doanh nghiệp bị sụt giảm doanh thu do khách hàng bị nhầm lẫn mà mua hoặc sử dụng sản phẩm, dịch vụ tương tự khác; do những khẳng định

sai lệch của chủ thể hành vi CTKLM làm mất uy tín của doanh nghiệp đối với khách hàng...¹

2. Một số bất cập, hạn chế

Hiện nay, hành vi CTKLM liên quan đến các đối tượng SHCN được điều chỉnh đồng thời bởi pháp luật cạnh tranh và pháp luật SHTT. Tuy nhiên, nhiều quy định của 2 lĩnh vực pháp luật này chưa có sự thống nhất với nhau, một số trường hợp phù định lẫn nhau, khiến cho người dân cũng như các cơ quan nhà nước có thẩm quyền gặp nhiều khó khăn trong việc hiểu, thực hiện hay áp dụng pháp luật.

2.1. Bất cập trong nguyên tắc áp dụng pháp luật

Khoản 1 Điều 5 Luật Cạnh tranh năm 2004 quy định rằng: "*Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Luật này với quy định của luật khác về hành vi hạn chế cạnh tranh, cạnh tranh không lành mạnh thì áp dụng quy định của Luật này*". Dựa theo nguyên tắc nói trên, việc áp dụng Luật Cạnh tranh năm 2004 sẽ là ưu tiên hàng đầu đối với các quan hệ xã hội trong lĩnh vực CTKLM. Bên cạnh đó, khoản 2 Điều 5 Luật SHTT lại có quy định rằng: "*Trong trường hợp có sự khác nhau giữa quy định về sở hữu trí tuệ của Luật này với quy định của luật khác thì áp dụng quy định của Luật này*". Điều này có nghĩa là, những quan hệ xã hội thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật SHTT thì luôn phải ưu tiên áp dụng Luật SHTT.

Quy định như trên dẫn đến 2 khó khăn:

¹ ThS. Nguyễn Phương Thảo, *Xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp* σ Việt Nam, <http://tcdclp.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/phap-luat-kinh-te.aspx?ItemID=211>, truy cập ngày 22/11/2018.

Một là, trong trường hợp quyền lợi chính đáng bị xâm hại do hành vi CTKLM về quyền SHTT của chủ thể khác, bản thân chủ thể bị xâm phạm không biết nên căn cứ vào quy định của văn bản nào để chọn lựa, sử dụng cơ chế, biện pháp bảo vệ cho lợi ích hợp pháp của mình.

Hai là, trong trường hợp xảy ra tranh chấp và khởi kiện tại toà án, Hội đồng xét xử cũng sẽ lúng túng trong việc lựa chọn pháp luật áp dụng.

2.2. Mâu thuẫn về thẩm quyền xử phạt

Khoản 3 Điều 198 Luật SHTT quy định về quyền tự bảo vệ của các chủ thể khi bị xâm hại đến quyền SHTT có ghi nhận rằng: "*Tổ chức, cá nhân bị thiệt hại hoặc có khả năng bị thiệt hại do hành vi cạnh tranh không lành mạnh có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng các biện pháp dân sự quy định tại Điều 202 của Luật này và các biện pháp hành chính theo quy định của pháp luật về cạnh tranh*". Đồng thời, khoản 3 Điều 211 Luật SHTT cũng quy định về xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi xâm phạm quyền SHTT như sau: "*Tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi cạnh tranh không lành mạnh về sở hữu trí tuệ thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về cạnh tranh*". Như vậy, pháp luật SHTT đã dẫn chiếu đến pháp luật cạnh tranh trong việc xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN. Tuy nhiên, bản thân nội tại của pháp luật SHTT lại có những quy phạm phủ định đối với thẩm quyền xử phạt của cơ quan quản lý nhà nước về cạnh tranh.

Cụ thể, tại Điều 200 Luật SHTT quy định về các cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm quyền SHTT không hề ghi nhận quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước về cạnh tranh. Đồng thời, Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/08/2013 quy

định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực SHCN phân chia thẩm quyền xử phạt nói trên cho các cá nhân, tổ chức như Thanh tra Thông tin và truyền thông, quản lý thị trường, hải quan theo từng trường hợp cụ thể. Như vậy, pháp luật SHTT đã phủ nhận thẩm quyền của cơ quan quản lý nhà nước về cạnh tranh đối với việc xử lý vi phạm hành chính liên quan đến hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN.

Theo tác giả, chỉ có cơ quan nhà nước về cạnh tranh mới có đủ chuyên môn để đánh giá về mức độ vi phạm và mức độ thiệt hại để ra quyết định xử phạt hợp lý, những cá nhân, tổ chức khác khó có thể đáp ứng được về mặt chuyên môn, vậy nên thẩm quyền xử lý thuộc về cơ quan quản lý cạnh tranh là phù hợp.

2.3. Không đồng nhất giữa các quy định về trường hợp bị xem là hành vi cạnh tranh không lành mạnh

Luật SHTT và Luật Cạnh tranh năm 2004 không có sự thống nhất về những hành vi bị xem là CTKLM. Cụ thể:

Một là, tại điểm d khoản 1 Điều 130 Luật SHTT quy định rằng: Nếu một chủ thể thực hiện hành vi đăng ký, chiếm giữ quyền sử dụng hoặc sử dụng tên miền trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu, tên thương mại được bảo hộ của người khác hoặc chỉ dẫn địa lý mà mình không có quyền sử dụng nhằm mục đích chiếm giữ tên miền, lợi dụng hoặc làm thiệt hại đến uy tín, danh tiếng của nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý tương ứng thì sẽ bị xác định là hành vi CTKLM. Tuy nhiên, nội dung này lại không được ghi nhận tại Điều 39 Luật Cạnh tranh năm 2004 về những hành vi bị xem là CTKLM.

Hai là, tại khoản 2 Điều 39 Luật Cạnh tranh năm 2004 quy định hành vi xâm phạm

bí mật kinh doanh sẽ bị quy kết là CTKLM. Tuy nhiên, Điều 130 Luật SHTT quy định về các hành vi CTKLM không ghi nhận về hành vi xâm phạm bí mật kinh doanh là CTKLM mà chỉ coi đây là hành vi xâm phạm quyền. Trường hợp xảy ra tranh chấp liên quan đến bí mật kinh doanh, chủ thể bị xâm hại có thể lựa chọn khiếu nại ra cơ quan quản lý nhà nước về cạnh tranh hoặc khởi kiện ra toà án. Tuy nhiên, nếu giải quyết bằng con đường toà án có thể gặp khó khăn trong việc áp dụng pháp luật, bởi vì cùng một hành vi nhưng lại có thể bị áp dụng những văn bản khác nhau, đặc biệt là khi Luật Cạnh tranh năm 2004 và Luật SHTT đang có mâu thuẫn về nguyên tắc ưu tiên áp dụng pháp luật như tác giả đã trình bày ở trên.

2.4. **Bất cập trong việc xác định thị trường liên quan**

Bản chất pháp lý của hành vi CTKLM chính là hành vi trái với các chuẩn mực đạo đức trong quan hệ thương mại, gây thiệt hại đến đối thủ cạnh tranh. Như vậy, theo quan điểm chung, hành vi cạnh tranh chỉ có thể diễn ra khi các chủ thể cùng có hoạt động kinh doanh trên một thị trường liên quan, còn đối với những chủ thể có phạm vi hoạt động tách biệt lẫn nhau thì không thể tạo nên tác động cạnh tranh. Theo đó, *"không thể nói đến hành vi cạnh tranh không lành mạnh khi mà trên thực tế các chủ thể không ở trong vị thế cạnh tranh với nhau. Cụ thể, chỉ có thể kết luận về hành vi cạnh tranh không lành mạnh nếu các chủ thể có hành vi bị cấm đối với đối thủ cạnh tranh trên thị trường liên quan, bao gồm thị trường sản phẩm liên quan và thị trường địa lý liên quan"*².

Thực tế cũng cho thấy, hầu hết các cơ quan có thẩm quyền trong quá trình giải quyết tranh chấp liên quan đến CTKLM đều thực hiện công việc xác định thị trường liên quan, và chỉ xem xét sự tồn tại của hành vi CTKLM nếu các chủ thể cùng trên một thị trường liên quan.

Xét trong lĩnh vực CTKLM về SHCN, quan điểm cá nhân tác giả cho rằng những nhận định trên là chưa thực sự hợp lý, bởi những lý do sau:

Một là, đặc trưng của các đối tượng SHCN là tính vô hình.

Hai là, trong quy định của pháp luật SHTT về cơ chế bảo vệ quyền SHTT, không hề có quy định về việc xác định thị trường liên quan.

Ba là, tại Điều 89 Luật Cạnh tranh năm 2004 quy định về nội dung điều tra chính thức đối với tranh chấp về CTKLM, khoản 1 Điều này ghi nhận về việc xác minh thị trường liên quan đối với những vụ việc về thoả thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường hoặc tập trung kinh tế, trong khi khoản 2 quy định về nội dung điều tra đối với hành vi CTKLM không hề nhắc đến thị trường liên quan, mà chỉ yêu cầu xác định hành vi CTKLM có diễn ra trên thực tế hay không.

Trên cơ sở đó, tác giả cho rằng, việc hiện nay nhiều cơ quan có thẩm quyền khi giải quyết tranh chấp CTKLM về SHCN đều thực hiện xác minh thị trường liên quan là không hợp lý.

Ví dụ, trường hợp xảy ra tranh chấp theo điểm d khoản 1 Điều 130 Luật SHTT về hành vi CTKLM liên quan đến việc đăng ký, chiếm giữ, sử dụng tên miền trái pháp luật, thì việc xác minh thị trường liên quan

² TS. Nguyễn Hữu Huyền, *Phân biệt giữa cạnh tranh không lành mạnh và vi phạm quyền sở hữu trí tuệ*, [https://www.most.gov.vn/thanhtra/tin-tuc/7/274/phan-biet-giua-canhh-tranh-khong-lanh-manhh-va-vi-](https://www.most.gov.vn/thanhtra/tin-tuc/7/274/phan-biet-giua-canhh-tranh-khong-lanh-manhh-va-vi)

[phan-quyen-so-huu-tri-tue-asp](https://www.most.gov.vn/thanhtra/tin-tuc/7/274/phan-biet-giua-canhh-tranh-khong-lanh-manhh-va-vi-)x, truy cập ngày 22/11/2018.

là một vấn đề không cần thiết. Bởi vì việc đăng ký, chiếm giữ, sử dụng tên miền có thể diễn ra tại bất kỳ đâu trên cả nước, thậm chí ở nước ngoài, không cần phải thuộc trong phạm vi thị trường liên quan, chỉ cần tên miền đó trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu, tên thương mại được bảo hộ của người khác thì sẽ có thể gây thiệt hại đến danh tiếng, uy tín kinh doanh của chủ sở hữu và hoàn toàn có căn cứ để xác định là hành vi CTKLM.

Hiện nay, Luật Cạnh tranh năm 2018 ra đời sẽ có hiệu lực vào ngày 01/07/2019 đã tháo gỡ được một số bất cập từ luật cũ. Tuy nhiên, theo tác giả, vẫn còn một vài hạn chế chưa thể khắc phục hoàn toàn, cụ thể như sau:

Thứ nhất, sự mâu thuẫn về nguyên tắc áp dụng luật đã cơ bản được Luật Cạnh tranh năm 2018 khắc phục.

Khoản 2 Điều 4 Luật Cạnh tranh năm 2018 quy định: "*Trường hợp luật khác có quy định về hành vi hạn chế cạnh tranh, hình thức tập trung kinh tế, hành vi cạnh tranh không lành mạnh và việc xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của luật đó*". Như vậy, quy định này của Luật Cạnh tranh năm 2018 đã ghi nhận nguyên tắc áp dụng pháp luật khác với Luật Cạnh tranh năm 2004 và xác định pháp luật cạnh tranh là "*mang tính điều chỉnh chung*"³. Quy định này sẽ tạo nhiều thuận lợi cho toà án khi giải quyết tranh chấp về CTKLM trong lĩnh vực SHCN, bởi lúc này Toà án đã có căn cứ rõ ràng để ưu tiên áp dụng pháp luật SHTT nhằm xét xử vụ việc.

Tuy nhiên, sự thay đổi này vẫn chưa thực sự đủ để đảm bảo sự thống nhất trong việc áp dụng pháp luật CTKLM trong lĩnh

vực SHCN. Bởi pháp luật xử lý hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN không chỉ bao gồm pháp luật cạnh tranh mà còn cả pháp luật SHTT. Do đó, để có thể tạo được sự thống nhất trong việc áp dụng pháp luật, ngoài những thay đổi của pháp luật cạnh tranh, còn đòi hỏi sự thay đổi tương ứng từ pháp luật SHTT, ví dụ như những thay đổi về thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm.

Thứ hai, Luật Cạnh tranh năm 2018 mở rộng các trường hợp bị xác định là CTKLM. Cụ thể, khoản 7 Điều 45 quy định: "*Các hành vi cạnh tranh không lành mạnh khác bị cấm theo quy định của luật khác*" cũng sẽ bị xem là CTKLM theo Luật Cạnh tranh năm 2018. Quy định như vậy đã tạo được sự đồng nhất giữa pháp luật cạnh tranh với những luật chuyên ngành khác về việc xác định hành vi vi phạm. Tuy nhiên, quy định này chủ yếu tạo thuận lợi cho phía cơ quan quản lý nhà nước về cạnh tranh, giúp có nhiều căn cứ, cơ sở pháp lý để thụ lý và giải quyết khiếu nại cạnh tranh. Xét ở góc độ toà án, sự thay đổi nêu trên vẫn chưa khắc phục được một số khó khăn còn tồn tại từ Luật Cạnh tranh năm 2004. Điển hình trường hợp bí mật kinh doanh như tác giả đã đề cập ở phần trên vẫn được xác định là CTKLM theo Luật Cạnh tranh năm 2018. Giả sử này sinh tranh chấp liên quan đến bí mật kinh doanh, thì chủ thể bị xâm hại vẫn khó có thể khởi kiện ra toà án dưới hình thức hành vi CTKLM, bởi vì lúc này toà án sẽ áp dụng Luật Cạnh tranh năm 2018 để giải quyết nhằm phù hợp với yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, với nguyên tắc ưu tiên áp dụng luật chuyên ngành, Luật Cạnh tranh năm 2018 sẽ dẫn chiếu về Luật SHTT, lúc này toà án lại trở nên lúng túng, bởi vì Luật SHTT không xác định hành vi CTKLM đối với bí mật kinh doanh, mà chỉ có thể bảo vệ quyền SHCN đối với hành vi xâm phạm bí mật kinh doanh.

³ Khoản 1 Điều 4 Luật Cạnh tranh năm 2018.

3. Một số giải pháp hoàn thiện

Việc hiện nay Luật SHTT có quy định dẫn chiếu đến pháp luật cạnh tranh đối với vấn đề xử phạt vi phạm hành vi CTKLM trong SHCN là hoàn toàn hợp lý. Bởi vì bản chất của hành vi CTKLM trong SHCN phải được xem xét dưới 2 góc độ: Góc độ thứ nhất, là một đối tượng của quyền SHTT cần được bảo vệ, nội dung này chủ yếu được điều chỉnh bởi pháp luật SHTT; góc độ thứ hai, là một hành vi thương mại không trung thực, trái đạo đức gây thiệt hại đến lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp khác và người tiêu dùng, vấn đề này nên do pháp luật cạnh tranh điều chỉnh. Do đó, định hướng sửa đổi pháp luật cần tạo sự thống nhất giữa pháp luật cạnh tranh và pháp luật SHTT.

Trên cơ sở thực trạng xử lý hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN đã phân tích ở trên, tác giả đề xuất một số giải pháp khắc phục (ngoại trừ những hạn chế đã được Luật Cạnh tranh năm 2018 giải quyết), cụ thể như sau:

Một là, Luật SHTT cần bổ sung quy định về thẩm quyền của cơ quan quản lý nhà nước về cạnh tranh đối với việc xử lý hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN.

Theo đó, Điều 200 của Luật SHTT về thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT phải sửa đổi ghi nhận thẩm quyền của Cục quản lý cạnh tranh (theo Luật Cạnh tranh năm 2004) hoặc Ủy ban Cạnh tranh (theo Luật Cạnh Tranh năm 2018). Như vậy, sẽ có cơ sở thống nhất khi toà án áp dụng pháp luật SHTT để xử lý hành vi vi phạm. Đồng thời, cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm theo pháp luật cạnh tranh cũng nhanh chóng đưa ra các quyết định xử lý vụ việc mà không cần phải dẫn đo vì thiếu căn cứ pháp lý về thẩm quyền của mình.

Tuy nhiên, vẫn cần lưu ý rằng, việc cơ quan quản lý nhà nước về cạnh tranh xử lý vi phạm hành chính các vụ việc CTKLM trong lĩnh vực SHCN mặc dù rất cần thiết nhưng chỉ trong thời gian trước mắt. Điều này do nhiều nguyên nhân như: Bên bị vi phạm chưa đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ chứng minh vụ việc tại tòa; trình độ chuyên môn nghiệp vụ của thẩm phán còn yếu trong các vụ việc CTKLM và hiệu lực thực thi quyết định hành chính hiệu quả hơn với các bên.

Về lâu dài, cần chuyển giao thẩm quyền nói trên cho toà án. Bởi vì, việc quy định thẩm quyền xử lý hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN cần xác định dựa trên bản chất của hành vi. Đây là hành vi xâm phạm lợi ích giữa các chủ thể, không phải là hành vi trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý hành chính nhà nước. Do đó, để đảm bảo công bằng lợi ích của các bên, tranh chấp cần được giải quyết tại tòa án theo thủ tục tố tụng hơn là giải quyết bởi những cơ quan khác. Mặt khác, nếu kéo dài việc giao thẩm quyền xử lý hành vi CTKLM trong SHCN cho cơ quan ngoài toà án thì gia tăng gánh nặng cho Nhà nước trong việc duy trì đội ngũ điều tra, thanh tra xử lý. Trong khi đó, với cơ quan tố tụng, các bên tham gia tố tụng phải chi trả án phí để giải quyết quyền lợi của mình.

Hai là, nên bỏ các quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi CTKLM về SHCN trong pháp luật SHTT.

Bởi vì cơ chế chủ yếu để bảo vệ quyền lợi của các chủ thể trong pháp luật SHTT là quyền tự bảo vệ được quy định tại Điều 198 Luật SHTT. Theo đó, chủ thể quyền SHTT có quyền áp dụng các biện pháp sau đây để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình: (i) Áp dụng biện pháp công nghệ nhằm ngăn ngừa hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; (ii)

Yêu cầu tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ phải chấm dứt hành vi xâm phạm, xin lỗi, cải chính công khai, bồi thường thiệt hại; (iii) Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan; (iv) Khởi kiện ra tòa án hoặc trọng tài để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Đồng thời, toà án có quyền áp dụng các biện pháp dân sự sau đây để xử lý tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ: (i) Buộc chấm dứt hành vi xâm phạm; (ii) Buộc xin lỗi, cải chính công khai; (iii) Buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự; (iv) Buộc bồi thường thiệt hại; (v) Buộc tiêu huỷ hoặc buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hoá xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ.

Như vậy, với tư cách là một đối tượng của quyền SHCN được bảo hộ, việc thực hiện quyền chống CTKLM theo pháp luật SHTT đã hoàn toàn có cơ chế phù hợp mà không cần thiết đến việc phạt vi phạm hành chính. Nhận định này cũng hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 211 Luật SHTT, theo đó: *"Tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi cạnh tranh không lành mạnh về sở hữu trí tuệ thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về cạnh tranh"*.

Khác với pháp luật SHTT, cơ chế xử lý vi phạm của pháp luật cạnh tranh chủ yếu là đánh vào kinh tế, cụ thể theo quy định tại khoản 1 Điều 117 Luật Cạnh tranh năm 2004 quy định về các hình thức xử phạt vi phạm pháp luật về cạnh tranh chỉ bao gồm cảnh

cáo hoặc phạt tiền. Nghị định số 71/2014/NĐ-CP ngày 21/07/2014 về xử lý vi phạm pháp luật cạnh tranh là một dẫn chứng, theo đó phần lớn các hành vi vi phạm trong nghị định đều bị xử phạt bằng hình thức phạt tiền, tùy theo mức độ vi phạm.

Ba là, lược bỏ quy định hành vi CTKLM về xâm phạm bí mật kinh doanh trong pháp luật cạnh tranh.

Như đã phân tích ở trên, khoản 7 Điều 45 đã mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật Cạnh tranh năm 2018 đối với những hành vi bị xác định là CTKLM theo quy định của những luật chuyên ngành khác. Đồng thời, khoản 2 Điều 4 Luật Cạnh tranh năm 2018 cũng đưa ra nguyên tắc ưu tiên áp dụng đối với luật khác trong trường hợp có sự quy định khác biệt về cùng một vấn đề. Như vậy, nên lược bỏ quy định hành vi CTKLM đối với trường hợp xâm phạm bí mật kinh doanh theo khoản 1 Điều 45 Luật Cạnh tranh năm 2018, bởi vì pháp luật SHTT không xem hành vi trên là CTKLM mà chỉ quy kết vào hành vi xâm phạm quyền SHCN. Nếu Luật Cạnh tranh năm 2018 giữ lại quy định nói trên, một mặt vừa mâu thuẫn với Luật SHTT, mặt khác theo Luật Cạnh tranh năm 2018 thì vấn đề liên quan đến bí mật kinh doanh sẽ ưu tiên pháp luật Luật SHTT.

Bốn là, không cần xác minh thị trường liên quan đối với tranh chấp về CTKLM trong lĩnh vực SHCN.

Như đã phân tích, quyền SHTT là một loại tài sản vô hình và không có tính chiếm hữu, do đó rất dễ bị xâm phạm mà không phụ thuộc vào chủ thể hay địa lý. Như vậy, việc thực tiễn xét xử luôn xác định hành vi CTKLM chỉ được diễn ra trên thị trường liên quan là chưa hợp lý.

(Xem tiếp trang 57)

hiểm hoặc bên được bảo hiểm gây ra thì doanh nghiệp bảo hiểm có quyền tăng phí bảo hiểm và được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng với bên mua bảo hiểm nếu bên mua bảo hiểm không đồng ý với đề xuất tăng phí.

Thứ năm, về chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm: Tác giả đề xuất quy định rõ về điều kiện chuyển nhượng, trong đó chú trọng đến điều kiện bên nhận chuyển nhượng vẫn phải có quyền lợi có thể được

bảo hiểm đối với đối tượng được bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm.

Thứ sáu, về thời hiệu khởi kiện tranh chấp về hợp đồng bảo hiểm. Để đảm bảo phù hợp với quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015, cũng như để bảo vệ tốt nhất quyền lợi của các bên trong hợp đồng, tác giả đề xuất sửa đổi thời điểm tính thời hiệu khởi kiện từ “*thời điểm phát sinh tranh chấp*” sang “*thời điểm người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm*”.

(Tiếp theo trang 43 – Một số bất cập...)

Giá sử trường hợp doanh nghiệp A kinh doanh nước giải khát trên thị trường tỉnh Thừa Thiên Huế, doanh nghiệp B kinh doanh cùng lĩnh vực nhưng trên thị trường tỉnh Hà Tĩnh. Doanh nghiệp A hiện nay đang có kế hoạch mở rộng thị trường đến Hà Tĩnh, do đó tìm cách hạ thấp uy tín của doanh nghiệp B để dễ chiếm đoạt thị phần. Hành vi mà doanh nghiệp A thực hiện là sử dụng tên miền trùng với nhãn hiệu sản phẩm của doanh nghiệp B, đồng thời gắn các chỉ dẫn thương mại của doanh nghiệp B lên những sản phẩm kém chất lượng tại thị trường tỉnh Thừa Thiên Huế do doanh nghiệp A cố ý cung cấp. Như vậy, mặc dù hành vi của doanh nghiệp A không được thực hiện tại Hà Tĩnh, và cả hai doanh nghiệp này cũng không cùng thị trường liên quan, nhưng hành vi của doanh nghiệp A cũng đã trực tiếp gây ảnh hưởng xấu đến uy tín thương mại của doanh nghiệp B, căn cứ

theo điểm a, điểm d Điều 130 Luật SHTT thì những hành vi trên bị xác định là CTKLM. Theo ví dụ này, nếu toà án vì xác định 2 doanh nghiệp không cùng thị trường liên quan mà bác bỏ đi cơ sở khởi kiện của nguyên đơn về hành vi CTKLM thì đây rõ ràng là một nhận định sai lầm, làm thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp A.

Thời gian tới, khi nghị định hướng dẫn thi hành Luật Cảnh tranh năm 2018 được Chính phủ ban hành, cần phải bổ sung quy định về việc không xác minh thị trường liên quan đối với hành vi CTKLM liên quan đến SHCN. Còn đối với lĩnh vực pháp luật SHTT, Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao cần ban hành văn bản hướng dẫn cho các toà án cấp dưới, hướng dẫn xét xử những tranh chấp liên quan đến CTKLM trong lĩnh vực SHCN theo hướng không cần xác minh thị trường liên quan mà chỉ cần chứng minh có tồn tại hành vi CTKLM.